

TRƯỜNG THCS QUẾ THUẬN  
TỔ: XÃ HỘI

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I  
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8  
PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
Phân môn Địa lí							
1	<b>ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM</b>	– Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam	1*				<b>2.5% 0.25*</b>
2	<b>ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM</b>	– Đặc điểm chung của địa hình – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình – Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hoá tự nhiên và khai thác kinh tế – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu	2 + 2*				<b>7.5% 0.5 + 0.5*</b>
3	<b>ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM</b>	– Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng – Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam – Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn	3+3*	1.0			<b>40% 3.75+0.75*</b>

		<div><div>– Hồ, đầm và nước ngầm</div><div>– Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta</div></div>		0.5	1.0	0.5	
<i>Tỉ lệ</i>			<i>20%</i>	<i>15%</i>	<i>10%</i>	<i>5%</i>	<i>50%</i>

TRƯỜNG THCS QUẾ THUẬN  
TỔ: XÃ HỘI

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I  
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8  
PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)
Phân môn Địa lí							
1	ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ VIỆT NAM	– Đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ – Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam	<b>Nhận biết</b> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.	1*			
2	ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM	– Đặc điểm chung của địa hình – Các khu vực địa hình. Đặc điểm cơ bản của từng khu vực địa hình – Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản Việt Nam. Các loại khoáng sản chủ yếu	<b>Nhận biết</b> – Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam: Đất nước đồi núi, đa phần đồi núi thấp; Hướng địa hình; Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa; Chịu tác động của con người.	2+2*			

3	<b>ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THUỶ VĂN VIỆT NAM</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân hoá đa dạng</li> <li>– Tác động của biến đổi khí hậu đối với khí hậu và thuỷ văn Việt Nam</li> <li>– Đặc điểm sông ngòi. Chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn</li> <li>– Hồ, đầm và nước ngầm</li> <li>– Vai trò của tài nguyên khí hậu và tài nguyên nước đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của nước ta</li> </ul>	<b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của Việt Nam.</li> <li>– Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.</li> </ul> <b>Thông hiểu</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của khí hậu Việt Nam: phân hóa bắc nam, phân hóa theo đai cao.</li> </ul> <b>Vận dụng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.</li> <li>– Phân tích được vai trò của khí hậu đối với sự phát triển du lịch ở một số điểm du lịch nổi tiếng của nước ta.</li> </ul> <b>Vận dụng cao</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Tìm ví dụ về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.</li> </ul>	3+3*	1.5	1.0	0.5
Số câu/ loại câu			8 TN	1.5TL	1/3 TL	1/3 TL
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>20%</b>	<b>15%</b>	<b>10%</b>	<b>5%</b>

<div>TRƯỜNG THCS QUẾ THUẬN</div> <div>ĐỀ CHÍNH THỨC</div> <div>Họ và tên.....</div> <div>Lớp:.....</div> <div>Điểm: <div></div></div>	<div>KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024</div> <div>MÔN: Lịch sử và địa lí. Lớp: 8</div> <div>Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)</div> <div>MÃ ĐỀ: <div></div></div> <div>Lời phê:</div>
---	--

PHẦN MÔN ĐỊA LÍ

ĐỀ CHÍNH THỨC

A. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất. (Mỗi câu đúng ghi 0,25 điểm)

- Câu 1. Lượng mưa trung bình của nước ta dao động từ:
- A. 1600 - 2000 mm/năm    B. 1500 - 2000 mm/năm    C. 2000 - 3000 mm/năm    D. 1000 - 2000 mm/năm
- Câu 2. Nước ta có số giờ nắng đạt từ:
- A. 1300 - 3000 giờ/năm    B. 1400 - 5000 giờ/năm    C. 1300 - 2000 giờ/năm    D. 1400 - 3000 giờ/năm
- Câu 3. Nhận xét nào không đúng về đặc điểm tài nguyên khoáng sản Việt Nam?
- A. Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản.
- B. Tài nguyên khoáng sản nước ta phân bố rộng khắp trên cả nước.
- C. Việt Nam là một quốc gia giàu tài nguyên khoáng sản nhưng chủ yếu là các khoáng sản có trữ lượng vừa và nhỏ.
- D. Việt Nam là một quốc gia nghèo tài nguyên khoáng sản, nhưng có có một số mỏ khoáng sản với trữ lượng lớn.
- Câu 4. Địa hình đồi núi nước ta chiếm mấy phần diện tích đất liền?
- A. Đồi núi chiếm 2/3 diện tích đất liền    B. Đồi núi chiếm 2/4 diện tích đất liền
- C. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích đất liền    D. Đồi núi chiếm 3/5 diện tích đất liền
- Câu 5. Hướng chính của địa hình nước ta là
- A. Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung    B. Đông Bắc - Tây Nam và vòng cung
- C. Tây - Đông và vòng cung    D. Bắc - Nam và vòng cung
- Câu 6. Dầu mỏ và khí đốt phân bố chủ yếu ở đâu?
- A. Vùng núi Tây Bắc.    B. Đồng bằng ven biển.    C. Thềm lục địa.    D. Các đồng bằng.
- Câu 7. Nhiệt độ không khí trung bình trên cả nước ta là
- A. trên 25<sup>0</sup>C    B. trên 20<sup>0</sup>C    C. trên 30<sup>0</sup>C    D. trên 10<sup>0</sup>C
- Câu 8. Gió mùa đông nước ta hoạt động từ:
- A. tháng 5 đến tháng 10    B. tháng 11 đến tháng 4
- C. tháng 11 đến tháng 3    D. tháng 11 đến tháng 5

B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)

- Câu 1. (2.0 điểm).
- a. Sự phân hóa khí hậu ở nước ta có ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động du lịch?
- b. Em hãy nêu một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu?
- Câu 2. (1.0 điểm). Chứng minh tính chất gió mùa của khí hậu Việt Nam?

-----HẾT-----

Học sinh được sử dụng tập bản đồ lịch sử và địa lí 8 phần địa lí của NXB giáo dục Việt Nam.

### Bài làm:

**A. TRẮC NGHIỆM** Mỗi câu đúng ghi 0,25 điểm

<b>Câu</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>
<b>Đáp án</b>								

## B. TỰ LUẬN

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features approximately 20 horizontal rows, each defined by two parallel dotted lines. The lines are evenly spaced and extend across the entire width of the page, providing a guide for handwriting practice. There is no text or other markings on the paper.

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (5.0 điểm)**

**A. TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm)** Mỗi câu đúng ghi 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	D	C	A	D	B	B

**Học sinh khuyết tật vận động: Làm trắc nghiệm và câu 2**

**Học sinh khuyết tật trí tuệ, nghe, nói, nhìn, thần kinh, khác : Chỉ làm trắc nghiệm**

**B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

Câu	Nội dung	Điểm
<b>1</b> <b>(2.0 điểm)</b>	<b>a. Sự phân hóa khí hậu ở nước ta có ảnh hưởng đến hoạt động du lịch:</b>	<b>1.0đ</b>
	- Khí hậu ảnh hưởng đến một số hoạt động du lịch như du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch khám phá tự nhiên,...	0.25
	- Khí hậu có sự phân hóa theo mùa và theo đai cao tác động trực tiếp đến sự hình thành các điểm du lịch, loại hình du lịch,...	0.5
	- Các hiện tượng thời tiết như mưa lớn, bão,... là trở ngại đối với hoạt động du lịch ngoài trời.	0.25
	<b>b. Một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu:</b>	<b>1.0đ</b>
<b>2</b> <b>(1.0 điểm)</b>	- Hạn chế sử dụng túi ni lông và sản phẩm nhựa dùng một lần, trồng cây.	0.5
	- Phân loại rác sinh hoạt, không xả thải nước thải sinh hoạt bừa bãi ra môi trường, sử dụng tiết kiệm nước, điện,...	0.5
	( Nếu HS viết ý khác nhưng đủ ý và chính xác thì vẫn cho điểm tối đa theo thang điểm)	
<b>2</b> <b>(1.0 điểm)</b>	Tính gió mùa:	<b>1.0đ</b>
	- Một năm có 2 mùa	
	+ Mùa gió Đông Bắc (mùa đông): từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Thời tiết lạnh khô đầu mùa, lạnh ẩm cuối mùa.	0.5
<b>2</b> <b>(1.0 điểm)</b>	+ Mùa gió Tây Nam (mùa hạ): từ tháng 5 đến tháng 10. Thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều.	0.5

-----HẾT-----